TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2019/HNGĐ-ST
Ngày:11-9-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Th Tiền

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị Lê Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Hòa I, xã LĐ, huyệnĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn:*Anh Thái Văn C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Hòa I, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị H và anh C xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị với anh Thái Văn C chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ vào năm 2011.Quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và hiện nay không còn sống

chung với anh C. Chị H cảm thấy không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định chị với anh C có 02 người con chung tên Thái Văn M, sinh ngày 20/7/2008 và Thái Duy Th, sinh ngày 23/8/2012. Hiện nay cháu M và cháu Th đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và cháu Th, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Anh Thái Văn C thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Anh đồng ý ly hôn với chị H, thống nhất giao cháu M và cháu Th cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Cháu Thái Văn M và Thái Duy Th có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng mẹ.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn,bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Thái Văn C. Giao cháuThái Văn M, sinh ngày 20/7/2008 và Thái Duy Th, sinh ngày 23/8/2012 cho chị Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng, nợ chung và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Buộc chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H và anh Thái Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị H và anh C không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh, Chị và không làm ảnh

hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H và anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Thái Văn C chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị H và anh C là tự nguyện và hợp pháp. Cả chị H và anh C đều xác định thật sự không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân nên thống nhất ly hôn.Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C.

[3] Về con chung: Hiện nay cháuThái Văn M, sinh ngày 20/7/2008 và Thái Duy Th, sinh ngày 23/8/2012 đang sống với chị H, anh C cũng đồng ý tiếp tục giao cháu M và cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị H và anh C. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Vềtài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C xác định không cótài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53,Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Thái Văn C.

2. Về con chung:

Giao cháuThái Văn M, sinh ngày 20/7/2008 và Thái Duy Th, sinh ngày 23/8/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Thái Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

4. Vềtài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003686 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ản hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm